



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1995/2412

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NAM KHANG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM
- Địa chỉ : Đường N2, lô D4, KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3,
phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Lê Minh Tân
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
- Ngày lấy mẫu, đo đạc : 03/12/2024
- Thời gian phân tích : 03/12/2024 – 12/12/2024
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC



ThS. PHAN THANH QUÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1995/2412

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 241203003_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3	QCVN 40:2011/BTN MT, Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01			
1	Nhiệt độ	°C	28,5	40	40	SMEWW 2550B:2023
2	Độ màu *	Pt-Co	KPH (MDL=10)	50	50	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
3	pH	-	6,96	6 – 9	6 – 9	TCVN 6492:2011
4	TSS*	mg/L	12	300	40,5	TCVN 6625:2000
5	COD	mg/L	32	350	60,75	SMEWW 5220C:2023
6	BOD ₅ *	mg/L	14	300	24,3	TCVN 6001-2: 2021
7	Amoni (N-NH ₄ ⁺)*	mg/L	KPH (MDL=0,06)	20	4,05	SMEWW 4500 – NH ₃ .B&F:2023
8	Tổng Nito*	mg/L	< 9,0	35	16,2	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	KPH (MDL=0,06)	6	3,24	SMEWW 4500-P.B&D:2023
10	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	135	405	Không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ	TCVN 6194:1996
11	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
12	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05	4,05	SMEWW 5520B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40: 2011/BTNMT
Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; Kq = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m³/s

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 2/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1995/2412

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải; Kf= 0,9 ứng với F > 5.000 m³/24h

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Nước thải TCVN 5999: 1995

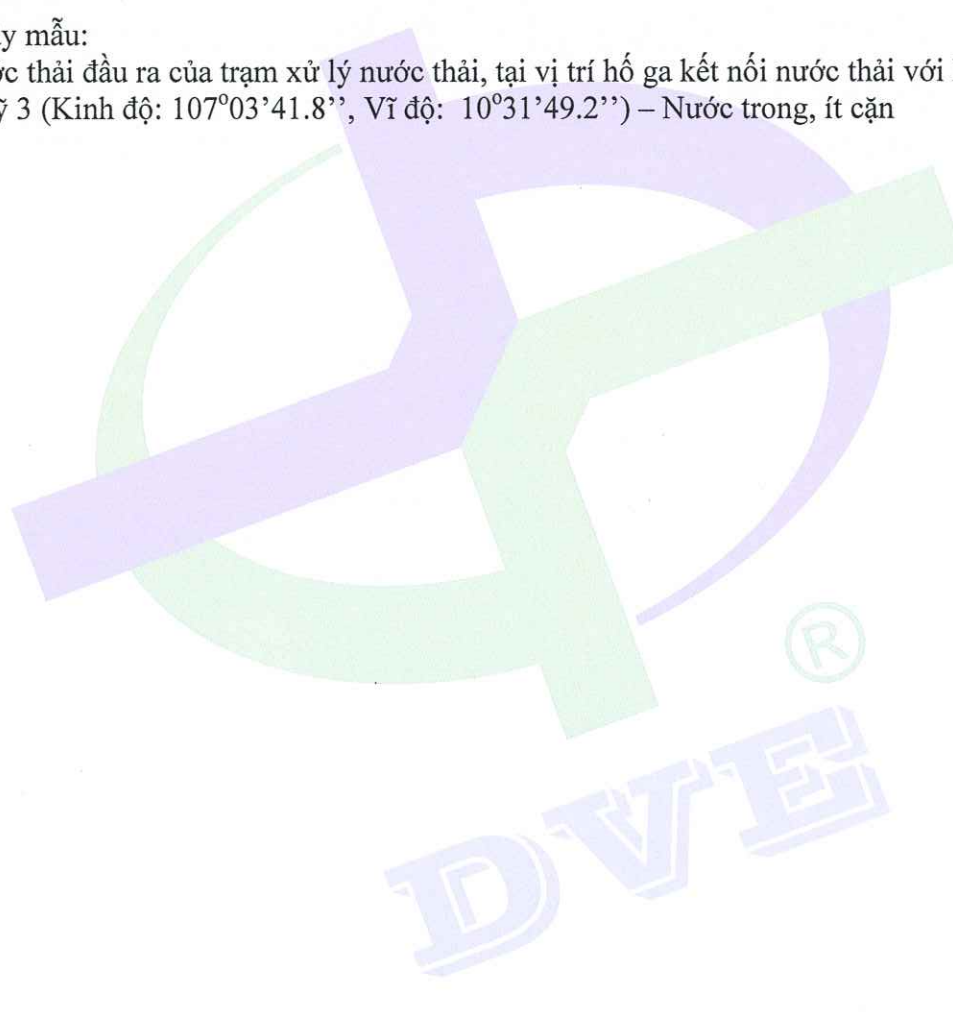
☒ Bảo quản xử lý mẫu nước

TCVN 6663-3: 2016

☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải, tại vị trí hồ ga kết nối nước thải với KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3 (Kinh độ: 107°03'41.8'', Vĩ độ: 10°31'49.2'') – Nước trong, ít cặn



- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1996/2412

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN NAM KHANG
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM
3. Địa chỉ : Đường N2, lô D4, KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3,
phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Thanh Phương, Lê Minh Tân
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày lấy mẫu, đo đạc : 03/12/2024
7. Thời gian phân tích : 03/12/2024 – 12/12/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC



ThS. PHAN THANH QUÍ

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 1/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1996/2412

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH BÙN THẢI

(Mã số mẫu: 241203003_BT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đạc, phân tích
			BT01		
1	pH	-	6,19	Trong khoảng 2,0 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Asen (As)	mg/kg	KPH (MDL=0,28)	12,4	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
3	Bari (Ba)	mg/kg	KPH (MDL=130)	620,6	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (MDL=0,24)	3,10	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
5	Bạc (Ag)	mg/kg	KPH (MDL=7,4)	31,0	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (MDL=43,3)	93,1	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Coban (Co)	mg/kg	KPH (MDL=6,6)	496,5	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Kẽm (Zn)	mg/kg	184,2	1.551	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Niken (Ni)	mg/kg	KPH (MDL=42,0)	434,4	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
10	Selen (Se)	mg/kg	KPH (MDL=0,55)	6,21	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
11	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (MDL=0,05)	1,24	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7470 A
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/kg	KPH (MDL=6,0)	31,0	US EPA Method 3060 A + US EPA Method 7196 A
13	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/kg	KPH (MDL=2,8)	183,1	US EPA Method 9010 C+ US EPA Method 9013A+ US EPA Method 9014
14	Tổng dầu	mg/kg	KPH (MDL=23)	310,3	US EPA Method 9071 B

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhtienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1996/2412

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/ BTNMT hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đạc, phân tích
			BT01		
15	Phenol (C ₆ H ₅ OH) [#]	mg/kg	KPH (MDL=10)	6.206	US EPA Method 8041A
16	Benzen (C ₆ H ₆) [#]	mg/kg	KPH (MDL=1)	3,10	US EPA SW 846 Method 5021 A
17	Clobenzen (C ₆ H ₅ Cl) [#]	mg/kg	KPH (MDL=1)	434,4	US EPA SW 846 Method 5021 A
18	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃) [#]	mg/kg	KPH (MDL=1)	6.206	US EPA SW 846 Method 5021 A
19	Naptalen (C ₁₀ H ₈) [#]	mg/kg	KPH (MDL=1)	310,0	US EPA SW 846 Method 5021 A

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Giá trị hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}, ppm) được tính bằng công thức sau

$$H_{tc} = \frac{H \times (1 + 19 \times T)}{20}$$

Trong đó:

H (ppm) là giá trị hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong bảng 1

T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải, ứng với T=0,274

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:☒ Bùn TCVN 6663-13 : 2015☒ Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 6663-15 : 2004

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- BT01: Bùn thải tại kho lưu giữ bùn thải của quá trình xử lý nước (Kinh độ: 107°3'42.1'', Vĩ độ: 10°31'50.1'') – Bùn màu vàng, mịn, ẩm.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06
LBH/SX: 03/01
NBH: 02/05/2019
Trang: 3/3